

Số: **1598**/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày **11** tháng **12** năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 4 dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới bắc 4D-Lô 3, phường Quyết Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND thành phố Lai Châu V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 4 dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới bắc 4D-Lô 3, phường Quyết Tiến;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số **653**/TTr-TNMT ngày **09/12** 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 4 đối với hộ gia đình bà Ngô Thị Liên – Địa chỉ: Tổ 8, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung là: **205.469.871 đồng**.

*(Bằng chữ: Hai trăm linh năm triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi một đồng).*

*(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).*

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.



- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Quyết Tiến.
- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình bà Ngô Thị Liên có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND phường Quyết Tiến; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Hữu Cam**



**BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ( bổ sung lần 4)****Dự án: Xây dựng khu dân cư đô thị mới bắc 4 D- Lô 3, phường Quyết Tiến**Kèm theo Quyết định số: 1598 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
<b>1</b>	<b>Ngô Thị Liên</b>				
	Địa chỉ: Tờ 8, phường Quyết Tiến, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				<b>205.469.871</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>19.999.395</b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	603,3		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	603,3	34.000	20.512.200
	Truy thu nghĩa vụ tài chính (gia đình chưa làm đăng ký biến động theo quy định)		603,3	-850	-512.805
	Vị trí: VT1				
	Nguồn gốc: Nhận tặng cho quyền sử dụng đất từ bố, mẹ là ông Ngô Văn Mạn và bà Lê Thị Chiên tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số chứng thực: 45, quyền số 01/2017-SCT/HĐ-GD ngày 21/11/2017 (Chưa đăng ký biến động đất đai theo quy định). Đất bà Chiên, ông Mạn được cấp GCNQSD đất số BQ276104 ngày 24/3/2017; phần diện tích chồng lấn lên thửa đất 242 TBD số 3 DGT đang quy chủ cho UBND phường Quyết Tiến quản lý và thửa số 25 tờ bản đồ số 3 đã cấp giấy chứng nhận BA 772883 cấp ngày 7/4/2010 cho bà Lê Thị Chiên. Hiện tại toàn bộ diện tích trên do gia đình bà Liên đang sử dụng ổn định không tranh chấp với ai và có cùng nguồn gốc với diện tích nêu trên. Nguyên nhân chồng lấn là do sai số trong đo đạc địa chính				
<b>b</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc</b>				<b>81.513.724</b>
	<i>Tài sản, VKT (Xây dựng trên đất nông nghiệp hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường điểm 3 mục c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu) (năm 2006 gia đình bà Lê Thị Hương dựng nhà lán tạm, đến đầu năm 2015 gia đình bà Chiên nâng cấp, sửa chữa lại thành ngôi nhà như hiện nay, thời điểm xây dựng không bị lập biên bản vi phạm hành chính, xây dựng trước kế hoạch sử dụng đất của dự án, xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất, không được cấp phép xây dựng, thời điểm tặng cho tài sản cùng thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất, hiện gia đình bà Liên sử dụng ổn định không tranh chấp)</i>				
1	Nhà xây gạch bi T12cm lợp tôn, nền láng VXM (14,4*6,0) không hiên, không trần cao 2,8 m theo kết cấu tại mục 4 khoản 2,6 Điều 2 Quyết định 30/2017	m <sup>2</sup>	86,4	671.517	58.019.069





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
2	Xí xôm	cái	1,0	45.000	45.000
3	Bê phốt xây gạch chỉ tường 11cm(1,0*1,0*2,0)	m <sup>3</sup>	2	421.300	842.600
4	Nền BT đá dăm dày 10cm (7,3*5,0)	m <sup>3</sup>	36,5	41.800	1.525.700
	<i>Tài sản phục vụ sản xuất nông nghiệp: Xây dựng đúng mục đích sử dụng đất và xây dựng trước thời điểm kế hoạch sử dụng đất hàng năm, không được cấp phép xây dựng, không bị lập Biên bản xử phạt vi phạm hành chính, hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường theo Điểm c Khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</i>				
5	Cọc BTCT (0,15*0,15*1,6)*123	m3	4,428	1.393.700	6.171.304
6	Ngói bro xi măng	viên	25	36.500	912.500
7	Hàng rào lưới B40 (1,8*86)	m <sup>2</sup>	154,8	25.000	3.870.000
8	Cổng hoa sắt (4,0*1,9)	m <sup>2</sup>	7,6	825.000	6.270.000
9	Hàng rào sắt Φ 34 (10,3*1,2)	m <sup>2</sup>	12,36	98.200	1.213.752
10	Bóc tách chuồng chó				
	Khung thép lưới B40 (1,6*10,0)	m <sup>2</sup>	16	123.200	1.971.200
	Lưới cước (1,8*8,0)	m <sup>2</sup>	14,4	5.000	72.000
	Tôn ốp (4,0*1,3)	m <sup>2</sup>	5,2	115.500	600.600
<b>c</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>27.300.152</b>
1	Cây nhãn bán kính tán trên 4m	cây	4,0	900.000	3.600.000
2	Cây lấy gỗ đường kính 30 cm cao 7m; 3 cây	m <sup>3</sup>	1,5	480.000	712.152
3	Cây nhãn bán kính tán từ 2 đến 4m	cây	2,0	624.000	1.248.000
4	Cây ăn quả trồng cảnh năm thứ 3	cây	8,0	204.000	1.632.000
5	Cây ăn quả trồng cảnh năm thứ 2	cây	16,0	102.000	1.632.000
6	Cây ăn quả trồng cảnh từ 2 đến dưới 3 năm	cây	18,0	204.000	3.672.000
7	Su su leo kín giàn	m <sup>2</sup>	20,0	10.200	204.000
8	Rau màu gói vụ	m <sup>2</sup>	10,0	9.600	96.000
9	Cây mít bán kính phát tán trên 4m	cây	1,0	660.000	660.000
10	Cây chuối cao dưới 1,2m	cây	5,0	18.000	90.000
11	Cây chuối cao trên 1,2m	cây	6,0	24.000	144.000
12	Cây lê bán kính từ 2 đến 4m	Cây	2,0	480.000	960.000
13	Sản lượng chè 460m2*25 tấn/ha/năm * 2 năm	kg	2.300,0	5.500	12.650.000
<b>d</b>	<b>Về chính sách hỗ trợ</b>				<b>76.656.600</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo điểm a mục 1 điều 16 của Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	m <sup>2</sup>	603,3	102.000	61.536.600





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
2	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất (Gia đình trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp tỷ lệ mất đất từ 30 đến dưới 70% diện tích đất nông nghiệp phải di chuyển chỗ ở (3 khẩu *30kg*12 tháng) theo điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	kg/ người	1.080,0	14.000	15.120.000



